

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:15/2021/DS-ST

Ngày: 28/5/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào Vi;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương;

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT; địa chỉ: Số 266-268 đường NKKN, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh;

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm 1973, chức vụ: Tổng giám đốc;

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Minh C, sinh năm 1978; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP SGTT-Chi nhánh Thừa Thiên Huế (Theo Quyết định ủy quyền số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020).

- Người được ủy quyền lại: Ông Võ Phước Đại Đ, sinh năm 1992, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ Chi nhánh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: Số 126 đường Nguyễn H, phường PN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Theo giấy ủy quyền số 30/2021/GUQ-CNTTH ngày 04/01/2021), có mặt.

* Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 15 kiệt 22 đường Trần Thanh M, phường AĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT trình bày:

Ngày 17/10/2018, ông Trần Văn S có ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT hợp đồng tín dụng số LD1829000362. Theo đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT cho ông S vay 70.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 17,5%/năm theo dư nợ ban đầu, mục đích vay sinh hoạt tiêu dùng, hình thức vay tín chấp.

Quá trình vay, từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến nay ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 29.389.049 đồng. Trong đó nợ gốc là 20.235.000 đồng; nợ lãi là 9.154.049 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông S không có thiện chí trả nợ. Do ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nên ngày 21/8/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngoài ra ngày 17/5/2018, ông Trần Văn S có ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT). Căn cứ thu nhập của ông S, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích sinh hoạt tiêu dùng, lãi suất 30%/năm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 73.700.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 39.535.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc (số tiền giao dịch) là 21.885.957 đồng, tiền lãi và phí kể từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 22/9/2019 là 17.649.043 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông S không có thiện chí trả nợ. Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/9/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Vì ông S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký kết, nên ngày 05 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn khởi kiện buộc ông S thanh toán số nợ còn lại.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Trần Văn S có nghĩa vụ trả ngay cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/5/2021 tổng cộng là 174.765.292 đồng, trong đó:

Đối với hợp đồng tín dụng số LD1829000362 ngày 17/10/2018 là 70.107.486 đồng, gồm nợ gốc là 49.765.000 đồng, nợ lãi là 10.323.257 đồng; lãi quá hạn là 8.883.911 đồng và lãi chậm trả là 1.135.318 đồng.

Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/5/2018 là 104.657.806 đồng, gồm nợ gốc là 58.201.338 đồng, lãi quá hạn là 46.456.468 đồng.

Buộc ông Trần Văn S phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2021 bị đơn là ông Trần Văn S trình bày: Ông có ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT hợp đồng tín dụng số LD1829000362 để vay số tiền 70.000.000 đồng. Ngoài ra vào ngày 17/5/2018 ông có ký kết với Ngân hàng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức

sử dụng là 50.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông đã trả được một phần nợ gốc và lãi. Sau đó do làm ăn khó khăn nên ông đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ông S thừa nhận còn nợ của ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2020 cụ thể như sau:

Đối với hợp đồng tín dụng số LD1829000362 ngày 17/10/2018 là 61.860.214, gồm nợ gốc 49.765.000 đồng, lãi trong hạn là 8.178.884 đồng, lãi quá hạn là 3.395.094 đồng và lãi chậm trả là 521.237 đồng

Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/5/2018 là 86.423.264 đồng, gồm nợ gốc là 58.201.338 và lãi quá hạn là 28.221.926 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông phải trả toàn bộ số tiền còn nợ và lãi suất thì ông đồng ý và đề nghị Ngân hàng cho ông được trả dần. Hiện nay ông đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An nên không thể đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; về tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 để tiến hành phiên tòa vắng mặt bị đơn; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58, Điều 262; khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 282, 463, 466, khoản 1 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn S phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/5/2021 là 174.765.292 đồng, trong đó: Đối với hợp đồng tín dụng số LD1829000362 ngày 17/10/2018 là 70.107.486 đồng, gồm nợ gốc là 49.765.000 đồng, nợ lãi là 10.323.257 đồng; lãi quá hạn là 8.883.911 đồng và lãi chậm trả là 1.135.318 đồng.

Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/5/2018 là 104.657.806 đồng, gồm nợ gốc là 58.201.338 đồng, lãi quá hạn là 46.456.468 đồng.

Buộc ông Trần Văn S phải thanh toán số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/5/2021 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Về án phí: Buộc ông S phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Bị đơn, ông Trần Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 17/10/2018, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT và ông Trần Văn S có ký kết hợp đồng tín dụng số LD1829000362, theo đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT đã cho ông S vay 70.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 17,5%/năm theo dư nợ ban đầu, mục đích vay sinh hoạt tiêu dùng, hình thức vay tín chấp; ngoài ra vào ngày 17/5/2018, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT và ông Trần Văn S có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Theo đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT đã cấp thẻ tín dụng cho ông S với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, lãi suất là 30%/năm, mục đích sinh hoạt tiêu dùng. Xét hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT và ông Trần Văn S đã ký kết là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật về nội dung lẫn hình thức, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, ông S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã cam kết, nên vào các ngày 21/8/2019 và ngày 23/9/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến nay, ông S đã trả được tổng số tiền là 68.924.049 đồng, trong đó nợ gốc là 42.120.957 đồng, nợ lãi là 26.803.092 đồng. Do ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn S có nghĩa vụ trả ngay số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/5/2021 tổng cộng là 174.765.292 đồng, trong đó:

Đối với hợp đồng tín dụng số LD1829000362 ngày 17/10/2018 là 70.107.486 đồng, gồm nợ gốc là 49.765.000 đồng, nợ lãi là 10.323.257 đồng; lãi quá hạn là 8.883.911 đồng và lãi chậm trả là 1.135.318 đồng.

Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/5/2018 là 104.657.806 đồng, gồm nợ gốc là 58.201.338 đồng, lãi quá hạn là 46.456.468 đồng.

Buộc ông Trần Văn S phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/5/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án ông S đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An nên không thể đến Tòa án án tham gia giải quyết vụ án. Tuy nhiên, tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai thì ông đã thừa nhận còn nợ số tiền gốc và lãi theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật: $174.765.292 \text{ đồng} \times 5\% = 8.738.264 \text{ đồng}$ (Làm tròn số là 8.738.000 đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.707.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên xử:

1.Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT.

Buộc ông Trần Văn S phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTTSố tiền còn nợ là 174.765.292 đồng, trong đó:

Đối với hợp đồng tín dụng số LD1829000362 ngày 17/10/2018 là 70.107.486 đồng, gồm nợ gốc là 49.765.000 đồng, nợ lãi là 10.323.257 đồng; lãi quá hạn là 8.883.911 đồng và lãi chậm trả là 1.135.318 đồng.

Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/5/2018 là 104.657.806 đồng, gồm nợ gốc là 58.201.338 đồng, lãi quá hạn là 46.456.468 đồng.

Buộc ông Trần Văn S phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTTSố tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1829000362 ngày 17/10/2018 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/5/2018 đã ký kết kể từ ngày 29/5/2021 đến khi thanh toán hết khoản nợ gốc này.

2.Về án phí: Buộc ông Trần Văn S phải chịu 8.738.00 đồng (tám triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT được hoàn trả 3.707.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000592 ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- THADS TP Huế;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu án;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đào Vi